

께

cho, tới — kính ngữ

Dạng kính trọng của 에게 / 한테. Đánh dấu người nhận khi người đó có vị trí cao hơn bạn — và buộc động từ cũng phải tương ứng.

Cách kết hợp

Trường hợp	Dạng	Ví dụ
Người nhận được kính trọng	께	선생님께 드렸어요
Nguồn được kính trọng	께 — cùng dạng	부모님께 배웠어요
Động từ phải tương ứng	드리다, 여쭙보다	말씀드렸어요
Người bình thường dùng	에게 / 한테	친구한테 왔어요
Địa điểm dùng	에	회사에 보냈어요
Hành động, không phải nhận	께서	선생님께서 주셨어요

Khi nào dùng

께 thay cho 에게 và 한테 khi người nhận là thầy cô, cha mẹ, ông bà, cấp trên hoặc khách hàng. Nó không bao giờ đổi dạng và không bao giờ gắn vào địa điểm — công ty vẫn đi với 에.

Dùng nó thì động từ cũng phải theo. Kính ngữ trong tiếng Hàn đi theo bộ, nên 께 đi với các động từ khiêm nhường: 주다 thành 드리다, 묻다 thành 여쭙보다, 말하다 thành 말씀드리다. 선생님께 여쭙봤어요.

Có một điểm hầu như ai cũng nhầm. 께 đánh dấu người nhận; 께서 đánh dấu người hành động. Chỉ khác nhau một âm tiết nhưng chỉ hai hướng ngược nhau. 께 cũng dùng cho nguồn, vì 한테서 không có dạng kính ngữ: 선생님께 배웠어요.

Ví dụ trong câu

- 1 선생님께 편지를 드렸어요.
Tôi đã gửi thư cho thầy giáo.
- 2 부모님께 안부 전해 주세요.
Xin gửi lời hỏi thăm đến bố mẹ anh/chị.
- 3 교수님께 여쭙보겠습니다.
Tôi sẽ hỏi giáo sư.
- 4 할머니께 선물을 보냈어요.
Tôi đã gửi quà cho bà.
- 5 사장님께 보고드렸습니다.
Tôi đã báo cáo với giám đốc.
- 6 선배님께 조언을 구했어요.
Tôi đã xin lời khuyên từ tiền bối.

So sánh với

에게 / 한테

Cùng vai trò ngữ pháp, khác mức độ kính trọng. Chỉ dùng 께 cho người mà bạn gọi kèm chức danh.

친구한테 왔어요. / 선생님께 드렸어요.

께서

께서 biến người được kính trọng thành chủ ngữ; 께 biến họ thành người nhận. Hãy xác định ai làm và ai nhận trước khi chọn.

선생님께서 주셨어요. (thầy đã cho) / 선생님께 드렸어요. (tôi đã biếu thầy)

한테서 / 에게서

Không có đuôi kính ngữ với 서. Khi nguồn đáng được kính trọng, 께 đảm nhận cả hai hướng và động từ quyết định nghĩa.

친구한테서 들었어요. / 선생님께 들었어요.

Lưu ý

- X 선생님께 책을 왔어요.
O 선생님께 책을 드렸어요.
Khi 께 đánh dấu người nhận, động từ cũng phải nâng lên theo. 주다 thành 드리다, và việc không khớp còn dễ nhận ra hơn là không dùng kính ngữ chút nào.
- X 친구께 선물을 왔어요.
O 친구한테 선물을 왔어요.
께 dành cho người bạn kính trọng. Dùng với bạn bè nghe kỳ lạ chứ không lịch sự hơn.
- X 선생님께서 책을 드렸어요.
O 선생님께 책을 드렸어요.
드리다 nghĩa là người nói biếu lên trên, nên thầy phải là người nhận. 께서 sẽ đặt thầy vào vai người cho và mâu thuẫn với động từ.